

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **1990/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 13 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2016 hỗ trợ
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đối với các xã
hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2011 - 2015
thuộc các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ,
Hoài Nhơn và thị xã An Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 26/3/2016 và Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1813/TTr-STC-NS ngày 02/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2016, hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2011-2015 thuộc các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn và thị xã An Nhơn, chi tiết có phụ lục kèm theo.

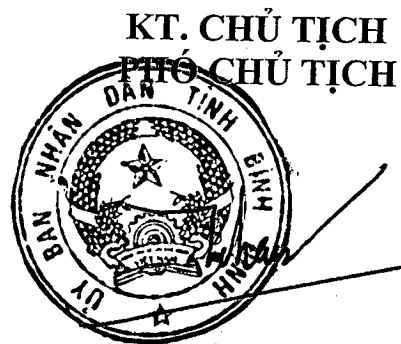
Điều 2. UBND các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn và thị xã An Nhơn chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát UBND các xã trong việc sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND

thị xã An Nhơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K19.(M.18b)



Trần Châu

PHỤ LỤC 1



DANH MỤC DỰ TRÙ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

HUYỆN HOÀI NHƠN

Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

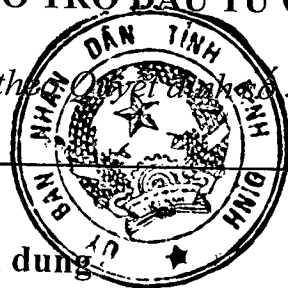
TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
HUYỆN HOÀI NHƠN						
I	Xã Hoài Tân			14.888	1.500	
1	Tiêu chí: Giao thông			1.950	300	
	Bê tông tuyến đường nội đồng-tuyến từ ruộng Sương-kênh N2	Hoài Tân	7/2016-10/2016	800	100	
2	Tiêu chí: Thủy lợi			1.150	200	
	Kiên cố hóa kênh mương đồng Cải tạo (nối tiếp)-Tuyến số 2	Hoài Tân	7/2016-10/2016	1.150	200	
II	Xã Hoài Châu			2.300	300	
1	Tiêu chí: Giao thông			2.300	300	
a	Tuyến đường từ quán Long đến suối Mới	Hoài Châu	2015	795	100	Trả nợ
b	Tuyến đường từ ngã 3 bà Tăng đến giáp Suối Sạn	Hoài Châu	2015	647	100	Trả nợ
c	Tuyến đường từ trụ sở xóm 2 An Quý Nam đến Suối Sạn	Hoài Châu	2015	858	100	Trả nợ
III	Xã Hoài Châu Bắc			1.986	300	
1	Tiêu chí: Thủy lợi			1.986	300	
a	Bê tông kênh mương tuyến từ Chùa đến mương Trảy.	Hoài Châu Bắc	2015-2016	877,225	100	Trả nợ
b	Bê tông kênh mương tuyến từ Mương Trảy đến Xoài đến Sáu Sào.	Hoài Châu Bắc	2016	635,021	100	

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
c	Bê tông kênh mương tuyến từ Cây Dúi đến giáp đường Bê tông.	Hoài Châu Bắc	2016	473,842	100	
IV	Xã Hoài Hương			3.016,6	300	
1	Tiêu chí: Trường học			3.016,6	300	
	Trường Mẫu giáo thôn Thiện Đức Đông (nhà ăn, nhà bảo vệ và tường rào)	Hoài Hương	2015-2016	3016,6	300	Trả nợ
V	Xã Tam Quan Bắc			5.635	300	
1	Tiêu chí: Văn hóa			5.635	300	
	Trung tâm văn hóa xã	Tam Quan Bắc	2015-2016	5.635	300	Trả nợ

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
HUYỆN HOÀI ÂN

(Kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Hoài Ân						
I	Xã Ân Tường Tây			8.044	900	
1	Giao thông			2.864	300	
	Xây dựng đường nội đồng tuyến từ nhà bà Ngọc đến Cẩm chùa	Phú Khương	2013	371	50	Trả nợ
2	Thủy lợi			2.493	250	
a	Tuyến từ cầu máng đến nhà Bé Diên THCS đến đường bê tông Phú Sơn	Phú hữu2	2015	738	50	Trả nợ
b	Tuyến từ mương tưới ,tiêu từ trường	P khương	2014	335	50	Trả nợ
c	Tuyến từ trạm bơm xóm 2B - đồng xe đạo	Phú hữu1	2015	829	50	Trả nợ
d	KCH kênh mương tuyến từ nhà ông Đức -nhà ông Thành	Phú hữu2	2015	496	50	Trả nợ
đ	KCH kênh mương tuyến từ ĐT630 - nhà ông Quang (PS)	Phú Khương	2015	95	50	Trả nợ
II	Xã Ân Phong			4.690	300	
a	Xây dựng Cầu Chợ phiên		2013	916	100	Trả nợ
b	BTXM liên thôn An Thiện- Linh chiêu		2013	1.263	100	Trả nợ
c	Đường BTXM tuyến An Chiêu- An Hòa		2014	2.511	100	Trả nợ
III	Xã Ân Thạnh			490	300	
1	Cơ sở vật chất văn hóa			490	300	
	Xây dựng mới sân bê tông, tường rào nhà văn hóa xã	Thế Thạnh 2	2015	490	300	Trả nợ



PHỤ LỤC 3

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
HUYỆN PHÙ MỸ

(Kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Phù Mỹ				10.915	1.200	
I	Xã Mỹ Hiệp			3355	300	
1	Giao thông			3355	250	
a	BTXM tuyến đường từ đội 1 thôn An Trinh - Nhà Đá An L	An Trinh	2013	1.728	50	Trả nợ
b	BTXM tuyến đường từ Cầu Sắt đi Trạm điện thôn Vạn Thi	Vạn Thiện	2014	1.627	200	Trả nợ
2	Cơ sở vật chất văn hóa				50	
	Nhà văn hóa - Hội trường xã	Đại Thuận	2014	3.527	50	Trả nợ
II	Xã Mỹ Lộc			3471,149	300	
1	Giao thông			3471,149	250	
a	BTXM tuyến nhà ông Nhân đi Sò Bó	An Tường	2013	1.256,149	100	Trả nợ
b	BTXM nhà ông Nam đi đập Đá Ông	An Tường	2015	870	50	Trả nợ
c	BTXM cầu đập Lâm đi nhà ông Phát	Cửu Thành	2015	1.044	50	Trả nợ
d	BTXM Quốc lộ 1A đi nhà bà Xuyên	Vạn Phú	2015	301	50	Trả nợ
2	Cơ sở vật chất văn hóa				50	
	Nhà văn hóa xã	Tân Lộc	2012	3.144	50	Trả nợ
III	Xã Mỹ Hòa			2904,298	300	
1	Giao thông			2904,298	300	
a	Tuyến từ nhà Trần Thông đến Nguyễn Văn Hải	Hậu Phú	2015	182,329	52,329	Trả nợ
b	Tuyến từ Đào Công Hoàn Đến Huỳnh Xuân Thanh	An Lạc 2	2015	74,969	20,969	Trả nợ
c	Tuyến đường từ đường sắt đến giáp nhà văn hóa thôn Hội	An Lạc 2	2015	2.647	226,702	Trả nợ

IV	Xã Mỹ Trinh			1185	300	
1	Cơ sở vật chất văn hóa			1185	300	
a	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Trinh Vân Bắc	Trinh Vân Bắc	2015	359	60	Trả nợ
b	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Trà Lương	Trà Lương	2015	286	40	Trả nợ
c	Nhà văn hóa thôn Trục Đạo	Trục Đạo	2015	320	70	Trả nợ
d	Tường rào cổng ngõ khu thể thao thôn và khuôn viên nhà văn hóa thôn Chánh Thuận	Chánh Thuận	2015	132	50	Trả nợ
đ	Tường rào cổng ngõ khu thể thao thôn và nâng cấp mặt bằng khuôn viên nhà văn hóa thôn Trinh Vân Nam	Trinh Vân Nam	2015	88	80	Trả nợ



PHỤ LỤC 4

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn theo Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 25/3/2016	Ghi chú
Huyện Phù Cát						
I	UBND xã Cát Hiệp			9.826	900	
1	Giao thông			5.259	300	
	Đường GTNT xã Cát Hiệp, tuyến từ nhà ông Huỳnh Ngọc Anh đến giáp cây xăng Núi Một	Cát Hiệp	2015-2016	1.323	200	Trả nợ
2	Cơ sở vật chất văn hóa			3.936	100	
	Nhà văn hóa xã Cát Hiệp	Cát Hiệp	2014-2015	3.936	100	Trả nợ
II	UBND xã Cát Tài			2.709	300	
1	Cơ sở vật chất văn hóa			1.590	250	
a	Nhà văn hóa xã, hạng mục: Tường rào, cổng ngõ	Cát Tài	2015	643	150	Trả nợ
b	Nâng cấp sân nhà văn hóa xã, hạng mục: Sân khấu, đường bê tông từ ĐT.633 vào nhà văn hóa, nâng cấp sân cấp phối, mở đường giao thông từ ĐT.633 vào kênh S4 (trên sân nhà văn hóa)	Cát Tài	2015-2016	947	100	Trả nợ
2	Thủy lợi			1.119	50	
	Kiên cố hóa kênh mương tuyến từ sông La Tinh - Miếu Bà Giàng (Quán Dẻo)	Cát Tài	2015	1.119	50	Trả nợ

III	UBND xã Cát Trinh			1.858	300	
1	Giao thông			1.858	300	
a	Mương Bê tông xã Cát Trinh, Tuyến Gò Bườn đi Trung Chai	Cát Trinh	2014	1.029	100	Trả nợ
b	Kiên cố hóa kênh mương xã cát trinh tuyến Đồng Mốc đi gò Sáng	Cát Trinh	2014	638	100	Trả nợ
c	Đường GTNT xã Cát Trinh, tuyến nhà ông Nguyễn Tư đi nhà ông Tới	Cát Trinh	2015	191	100	Trả nợ

7/

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

THỊ XÃ AN NHƠN

(Kính gửi Ủy ban nhân dân số 1990/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
THỊ XÃ AN NHƠN						
I	UBND xã Nhơn Lộc			3.874	900	
1	Y tế			986	300	
	Trạm y tế xã Nhơn Lộc - Hạng mục: Xây dựng tường rào, nâng san nền	Đông Lâm	2015	822	255	Trả nợ
2	Giao thông			164	45	
a	Cấp phối sỏi đồi đường trục chính nội đồng tuyến Tây tỉnh gò dài - Nghèo bà Hứa	Cù Lâm	2014	88	27	Trả nợ
b	Cấp phối sỏi đường trục chính nội đồng tuyến từ nhà ông Kiệt - Cầu Cây Gáo	Đông Lâm	2014	76	18	Trả nợ
II	UBND xã Nhơn An			1.254	300	
1	Giao thông			1.254	300	
a	Đường bê tông nông thôn xã Nhơn An tuyến đường từ trường mẫu giáo đến nhà ông Phương và nhánh rẽ nhà ông Lê Anh Kiệt	Tân Dân	2014	487	100	Trả nợ
b	Nâng cấp mở rộng đường bê tông xi măng tuyến Tân Dân Cảnh Hàng	Tân Dân	2015	767	200	Trả nợ
III	UBND xã Nhơn Phúc			1.634	300	
1	Thủy lợi			1.634	300	
a	Tuyến kênh từ mương Tỉnh đến Gò Chùa	An Thái	2015	431	100	Trả nợ

b	Tuyến kênh từ nhà máy nước Hương đến Ông Chạy	Nhon Nghĩa Đông	2015	390	100	Trả nợ
c	Tuyến kênh Bờ Muống - Bờ Hồng	Nhon Phúc	2015 - 2016	813	100	Trả nợ

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC HỒ TRỌNG ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
HUYỆN TÂY SƠN

(Kèm theo Quyết định 1990/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

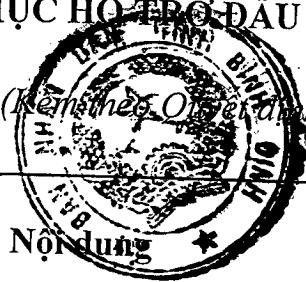
TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
HUYỆN TÂY SƠN						
I	Xã Bình Tường			9.363	1.200	
1	Giao thông			1.707	300	
	Đường BTXM từ Gò đá đến đội 1 thôn Hòa Sơn	Hòa Sơn	2015	1.380	150	Trả nợ
2	Cơ sở vật chất văn hóa			327	150	
	Xây dựng tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn Hòa Hiệp	Hòa Hiệp	2015	327	150	Trả nợ
II	Xã Tây An			2.182	300	
1	Cơ sở vật chất văn hóa			1.260	150	
	Xây dựng Nhà văn hóa đa năng xã Tây An	Trà Sơn	2015	1.260	150	Trả nợ
2	Y tế			922	150	
	Trạm y tế xã Tây An (hạng mục: nâng cấp, sửa chữa)	Trà Sơn	2015	922	150	Trả nợ
III	Xã Tây Xuân			1.441	300	
1	Giao thông			1.030	200	
a	Đường từ nhà ông Sơn đến nương thủy lợi	Phú Hòa	2015	438	100	Trả nợ
b	Đường từ cổng Đồng Tràm đến đường BT cụm CN Phú An	Phú An	2014	592	100	Trả nợ
2	Thủy lợi			411	100	
	Từ Ruộng Ủi đến Trại dê	Phú An	2014	411	100	Trả nợ
IV	Xã Bình Nghi			4.033	300	
1	Giao thông			3.046	250	
a	Đường từ QL19 xóm Bắc đến nhà Hồ Tổng	Thôn 1	2013	507	50	Trả nợ

b	Đường từ QL19 đến nhà 5 Hạ	Thôn 3	2014	360	50	Trả nợ
c	Đường từ đập ông Hiến đến trạm điện Cẩm Tây	Thôn 3	2014	1.140	50	Trả nợ
d	Đường từ Đình xóm Hạ đến nhà 8 Phát	Thôn Thủ Thiện Hạ	2014	611	50	Trả nợ
đ	Đường từ ngã 3 nhà Lê Thành Sơn đến cống Bờ Bao	Thôn Thủ Thiện Hạ	2014	428	50	Trả nợ
2	Thuỷ lợi			987	50	
	Mương từ cống Bầu đến xóm Trung	Thôn 3	2014	987	50	Trả nợ

DANH MỤC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC XÃ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kế hoạch Quy định số 1990/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ	Ghi chú
Huyện Tuy Phước						
I	Xã Phước Nghĩa			4.778	1.200	
1	Trường học			450	300	
	Bê tông sân nền Trường tiểu học cụm Huỳnh Mai	Huỳnh Mai	2016	200	100	
2	Cơ sở vật chất văn hóa			200	100	
	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kinh tế	Thọ Nghĩa	2016	250	200	
II	UBND xã Phước Thành			250	200	
1	Thủy lợi			877	300	
	KCHKM tuyến N1 Cây Thích kéo dài đến đồng ông Tùng + Ngọc Lâm nối dài	Bình An 2	2015-2016	877	300	Trả nợ
III	UBND xã Phước Hưng			680	300	
1	Trường học			680	300	
	Trường TH số 2 Phước Hưng (Hạng mục: san lấp mặt bằng sân trường + nhà vệ sinh giáo viên)	Phước Hưng	2016	680	300	
IV	UBND xã Phước An			3.648	300	
1	Thủy lợi			582	50	
	KCHKM từ ngõ bằng đến cầu vũng bảo	Quy Hội	2014-2015	582	50	Trả nợ
2	Trường học			715	50	
	Tường rào cổng ngõ trường TH số 1 Phước An	Ngọc Thạnh I	2014-2015	715	50	Trả nợ
3	Cơ sở vật chất văn hóa			2.351	200	
a	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Quy Hội	Quy Hội	2014-2015	1.102	50	Trả nợ
b	Nhà văn hóa khu thể thao thôn An Sơn 1	An Sơn 1	2014-2015	565	50	Trả nợ
c	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Thanh Huy 1	Thanh Huy 1	2014-2015	314	50	Trả nợ
d	Nhà văn hóa khu thể thao thôn An Hòa 1	An Hòa 1	2014-2015	370	50	Trả nợ

